

Số: 3680/BC-STC

Yên Bái, ngày 25 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020

1. Về tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước

a) Thu ngân sách trên địa bàn:

Tính đến hết ngày 20/12/2020 tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 2.972 tỷ đồng, bằng 107,2% so dự toán trung ương, bằng 81,9% dự toán tỉnh giao, bằng 82% chỉ tiêu phần đầu (3.615,5 tỷ đồng), bằng 79% chỉ tiêu giao thêm (3.742 tỷ đồng). Trong đó: thu cân đối 1.846,6 tỷ đồng, bằng 111,9% dự toán trung ương, bằng 102,1% dự toán tỉnh giao và bằng 101% chỉ tiêu phần đầu (1.823,5 tỷ đồng); thu tiền thuê đất trả tiền một lần 65,6 tỷ đồng, bằng 42,3% chỉ tiêu phần đầu (155 tỷ đồng); thu tiền sử dụng đất 1.035,5 tỷ đồng, bằng 67,4% chỉ tiêu phần đầu (1.300 tỷ đồng); thu xổ số kiến thiết 25,5 tỷ đồng, bằng 94,6% so chỉ tiêu phần đầu (27 tỷ đồng); thu xuất nhập khẩu 236,3 tỷ đồng, bằng 76% so chỉ tiêu phần đầu (310 tỷ đồng).

Dự ước cả năm 2020 phần đầu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh đạt từ 3.615,5 tỷ đồng trở lên, vượt 43,4% so dự toán trung ương giao, bằng 109,6% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao và tăng 2,1% so thực hiện năm 2019 (3.540,2 tỷ đồng), trong đó: thu cân đối 1.978,5 tỷ đồng, vượt 19,9% so dự toán trung ương và bằng chỉ tiêu phần đầu; thu tiền sử dụng đất phần đầu đạt khoảng 1.300 tỷ đồng, bằng chỉ tiêu phần đầu; thu xổ số kiến thiết ước đạt 27 tỷ đồng, vượt 8% so dự toán trung ương giao và bằng chỉ tiêu phần đầu; thu xuất nhập khẩu ước đạt 310 tỷ đồng, vượt 26,5% so dự toán trung ương giao và bằng chỉ tiêu phần đầu.

Về tổng thể thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 cơ bản các huyện, thị xã, thành phố dự ước đều đạt và vượt dự toán tỉnh giao, trong đó: Thành phố Yên Bái 556 tỷ đồng, vượt 9,5% dự toán; Thị xã Nghĩa Lộ 143,6 tỷ đồng, vượt 10% dự toán; Huyện Trấn Yên 162 tỷ đồng, vượt 15,5% dự toán; Huyện Yên Bình 272 tỷ đồng, vượt 19,3% dự toán; Huyện Văn Yên 206,2 tỷ đồng, vượt 18% dự toán; huyện Văn Chấn 218 tỷ đồng, vượt 7,7% dự toán; Huyện Mù Cang Chải 137,5 tỷ đồng, vượt 7,8% dự toán; Huyện Lục Yên 261,1 tỷ đồng, vượt 12,4% dự toán; Huyện Trạm Tấu 64,5 tỷ đồng, vượt 8,4% dự toán.

b) Thu ngân sách địa phương:

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 ước đạt 14.848,9 tỷ đồng (trong đó thu chuyên nguồn 2.854,3 tỷ đồng), bằng 113,6% dự toán Trung ương giao, bằng 106,2% dự toán tỉnh giao. Trong đó:

- Thu NSNN trên địa bàn NSDP được hưởng theo phân cấp ước đạt 3.132,9 tỷ đồng, bằng 148,6% dự toán Trung ương giao, bằng 110,4% dự toán tỉnh giao.

- Thu bổ sung từ NSTW ước đạt 8.745,9 tỷ đồng, bằng 103,5% dự toán Trung ương, dự toán tỉnh giao.

- Thu Chuyển nguồn ước đạt 2.854,4 tỷ đồng.

(Có biểu chi tiết từng nội dung thu kèm theo)

2. Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách địa phương

Với nỗ lực trong công tác thu ngân sách, được sự trợ giúp có hiệu quả, kịp thời từ ngân sách trung ương và phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quản lý và tổ chức điều hành ngân sách, cho nên ngân sách địa phương năm 2020 đã bảo đảm đáp ứng được đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ chi theo dự toán và các nhu cầu chi phát sinh, bảo đảm chi an sinh xã hội, đặc biệt là kinh phí phục vụ Đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 và các nhiệm vụ cấp thiết khác.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2020 ước đạt 14,634 tỷ đồng, bằng 140,3% dự toán trung ương giao, bằng 131,3% dự toán tỉnh giao và bằng 110,7% so với thực hiện năm 2019 ⁽¹⁾. Ước thực hiện chi các lĩnh vực chủ yếu như sau:

- Chi đầu tư phát triển ước đạt 1.751,6 tỷ đồng, bằng 98,1% so dự toán tỉnh giao, là năm có tiến độ giải ngân cao so với kế hoạch, chủ yếu là do tình công tác chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng, giải ngân thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công đã được tỉnh chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên rà soát kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn đối với các chủ đầu tư, dự án chậm tiến độ.

- Chi thường xuyên ước thực hiện đạt 7.309,6 tỷ đồng, bằng 104% dự toán tỉnh giao, chi ngân sách địa phương đã bảo đảm đáp ứng được kịp thời chi thường xuyên cho các lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa xã hội, quản lý hành chính, quốc phòng an ninh theo dự toán và giải quyết kịp thời các nhiệm vụ cấp bách phát sinh, nhất là chi khắc phục hậu quả thiên tai, mưa lũ, chi phục vụ Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, chi phòng, chống đại dịch Covid-19...

⁽¹⁾ Chi ngân sách địa phương tăng cao so với dự toán trung ương giao khoảng 1.137,6 tỷ đồng là do tăng chi từ nguồn trung ương bổ sung thực hiện các nhiệm vụ, chế độ chính sách 294,9 tỷ đồng; tăng chi từ nguồn chuyển nguồn năm trước sang 665,4 tỷ đồng; chi từ nguồn kết dư ngân sách 177,3 tỷ đồng.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1,2 tỷ đồng; chi trả nợ lãi, phí các khoản vay 4,2 tỷ đồng.

- Chi từ nguồn dự phòng ngân sách⁽²⁾, chi từ nguồn chuyển nguồn ngân sách, chi từ nguồn kết dư đã được kiểm soát khá chặt chẽ bảo đảm đúng mục đích, đúng chế độ quy định, tập trung cho các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách.

- Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương: do nhận được sự quan tâm, ủng hộ rất lớn, kịp thời từ ngân sách trung ương, nên ước thực hiện đạt khoảng 2.273,8 tỷ đồng. Các khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu đã được tinh phân bổ, cấp phát, quản lý, sử dụng theo đúng mục tiêu, chế độ quy định, là nguồn lực quan trọng để giúp tỉnh đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo.

(Có biểu chi tiết từng nội dung chi kèm theo)

3. Tình hình vay và trả nợ của ngân sách địa phương:

a) Tình hình vay và trả nợ gốc ngân sách địa phương:

- Dự nợ vay đến ngày 01/01/2020 của ngân sách địa phương là 43,68 tỷ đồng (chưa bao gồm dự nợ vay của dự án năng lượng nông thôn II (Re II), bao gồm: Nợ Ngân hàng phát triển 12,65 tỷ đồng; Nợ Bộ Tài chính vốn vay lại nguồn vay nước ngoài của Chính phủ 31,03 tỷ đồng.

- Đến tháng 12 năm 2020, tỉnh Yên Bái đã trả nợ gốc 14,199 tỷ đồng, trong đó: trả nợ gốc Ngân hàng phát triển 12,65 tỷ đồng, trả nợ gốc cho Bộ Tài chính vốn vay lại nguồn vay nước ngoài của Chính phủ là 1,549 tỷ đồng.

- Mức dự nợ vay của ngân sách địa phương đến tháng 12/2020 (nợ Bộ Tài chính vốn vay lại nguồn vay nước ngoài của Chính phủ) là 40,04 tỷ đồng (Đã bao gồm số nợ vay phát sinh Bộ Tài chính vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ 10,559 tỷ đồng), bằng 9,5% mức dự nợ vay tối đa của ngân sách địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước (421,62 tỷ đồng).

b) Tình hình trả nợ lãi, phí các khoản vay

Tính đến tháng 12 năm 2020, kinh phí thanh toán lãi, phí các khoản vay là: 425 triệu đồng. Trong đó: Trả lãi vay Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả: 130,3 triệu đồng; Trả lãi vay chương trình đô thị miền núi phía Bắc là 274,721 triệu đồng; Trả lãi vay dự án và nâng cao an toàn đập là: 125,939 triệu đồng.

4. Một số nhiệm vụ trọng tâm còn lại của năm 2020

⁽²⁾ Dự phòng ngân sách cấp tỉnh được giao năm 2020 là 87,5 tỷ đồng; số đã sử dụng đến 15/12/2020 là 82,5 tỷ đồng, trong đó: chi phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, cứu đói là 75,1 tỷ đồng; chi các nhiệm vụ quan trọng quốc phòng, an ninh 2 tỷ đồng và các nhiệm vụ quan trọng cấp bách khác 5,3 tỷ đồng.

Trong tháng 12 năm 2020, bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách nhà nước, Sở Tài chính sẽ tập trung chỉ đạo và thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Tiếp tục tham mưu với UBND tỉnh các biện pháp để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2019; Chương trình hành động số 190-CTr/TU ngày 26/11/2019 của Tỉnh ủy Yên Bái thực hiện Kết luận số 63-KL/TW ngày 18/10/2019 của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XII và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 27 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện nhiệm vụ Chính trị của tỉnh năm 2020. Văn bản số 2328/UBND-TC ngày 07/8/2020 của UBND tỉnh Yên Bái về tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSĐP trong những tháng cuối năm 2020, bảo đảm hoàn thành thắng lợi, toàn diện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2020, tạo tiền đề để thực hiện tốt nhiệm vụ năm 2021 và các năm sau.

- Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp về quản lý điều hành ngân sách địa phương trong những tháng cuối năm bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định; tập trung huy động, khai thác các nguồn thu để bảo đảm các nhiệm vụ chi theo dự toán, nhất là các khoản chi cho con người, chi các công trình, dự án quan trọng, chi các hoạt động thiết yếu của địa phương.

- Tiếp tục phối hợp với các ngành tham mưu với UBND tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thu, chi ngân sách năm 2020 theo Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh kịch bản phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 tỉnh Yên Bái ứng phó với dịch Covid-19, bảo đảm thu ngân sách vượt 3.615,5 tỷ đồng; chi ngân sách đáp ứng đủ các nhiệm vụ chi theo dự toán.

- Đảm bảo đủ nguồn kinh phí để thực hiện kịp thời các nhiệm vụ chi theo dự toán trong những ngày cuối năm, nhất là chi thực hiện các chương trình dự án, các công trình trọng điểm của tỉnh, chi trả tiền lương, an sinh xã hội; chi tổ chức thực hiện các hoạt động đón Xuân Tân Sửu 2021, Tổ chức chào mừng thành công Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách khác.

- Hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị dự toán thực hiện phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 bảo đảm hoàn thành xong trước ngày 31/12/2020.

- Hướng dẫn, đôn đốc các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt công tác khóa sổ kế toán cuối năm theo quy định. Kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu ngân sách trong những ngày cuối năm và công tác chuyển nguồn ngân sách sang năm 2021.

- Thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác của ngành và các nhiệm vụ đột xuất được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới; Sở Tài chính báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh./. *fl*

Nơi nhận: *u*

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Chi cục Hải quan Yên Bái;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Ban giám đốc Sở Tài chính;
- Lưu: VT, Phòng QLNS.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Trang Nhung



ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 3680 /BC-UBND ngày 25 /12/2020 của UBND tỉnh Yên Bái)



Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán		Ước thực hiện năm 2020	Ước TH so dự toán	
		Trung ương giao	Tỉnh giao		Trung ương giao	Tỉnh giao
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	10.559.061	11.288.361	14.848.962	140,6%	131,5%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.108.100	2.837.400	3.132.900	148,6%	110,4%
1	Thu NSDP được hưởng 100%	2.108.100	2.837.400	3.132.900	148,6%	110,4%
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia					
II	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	8.450.961	8.450.961	8.745.884	103,5%	103,5%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	5.079.309	5.079.309	5.079.309	100,0%	100,0%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.371.652	3.371.652	3.666.575	108,7%	108,7%
III	Thu Quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư năm 2019			115.815		
V	Thu chuyển nguồn từ năm 2019 chuyển sang			2.854.363		
B	TỔNG CHI NSDP	10.644.161	11.373.461	14.934.062	140,3%	131,3%
I	Tổng chi cân đối NSDP	8.370.331	9.099.631	12.192.414	145,7%	134,0%
1	Chi đầu tư phát triển	1.261.597	1.777.597	1.751.597	138,8%	98,5%
2	Chi thường xuyên	6.947.711	7.025.811	7.309.616	105,2%	104,0%
3	Chi trả nợ lãi các khoản vay	4.200	4.200	4.200		100,0%
4	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	1.200	100,0%	100,0%
5	Chi từ nguồn dự phòng ngân sách	155.623	155.623	155.623	100,0%	100,0%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh chính sách tiền lương từ 50% số tăng thu cân đối, phân dự toán tỉnh giao cao hơn số trung ương giao		135.200			
7	Chi từ nguồn thu chuyển nguồn năm 2019			2.854.363		
8	Chi từ nguồn kết dư năm 2019			115.815		
9	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
II	Chi các Chương trình mục tiêu	2.273.830	2.273.830	2.273.830	100,0%	100,0%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	847.815	847.815	847.815	100,0%	100,0%
2	Chi các chương trình mục tiêu	1.426.015	1.426.015	1.426.015	100,0%	100,0%
3	Chi thực hiện các chính sách, nhiệm vụ					
4	Chi đầu tư từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ					
III	Chi chuyển nguồn sang năm 2019			467.818		
C	BỘI CHI NHẬN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	85.100	85.100	85.100		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	14.968	14.968	14.968	100,0%	100,0%
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	14.400	14.400	14.400		
2	Từ nguồn bội thu ngân sách địa phương					
3	Từ nguồn kết dư ngân sách cấp tỉnh	568	568	568		
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	99.500	99.500	99.500	100,0%	100,0%
1	Vay để bù đắp bội chi	85.100	85.100	85.100		
2	Vay để trả nợ gốc	14.400	14.400	14.400	100,0%	100,0%

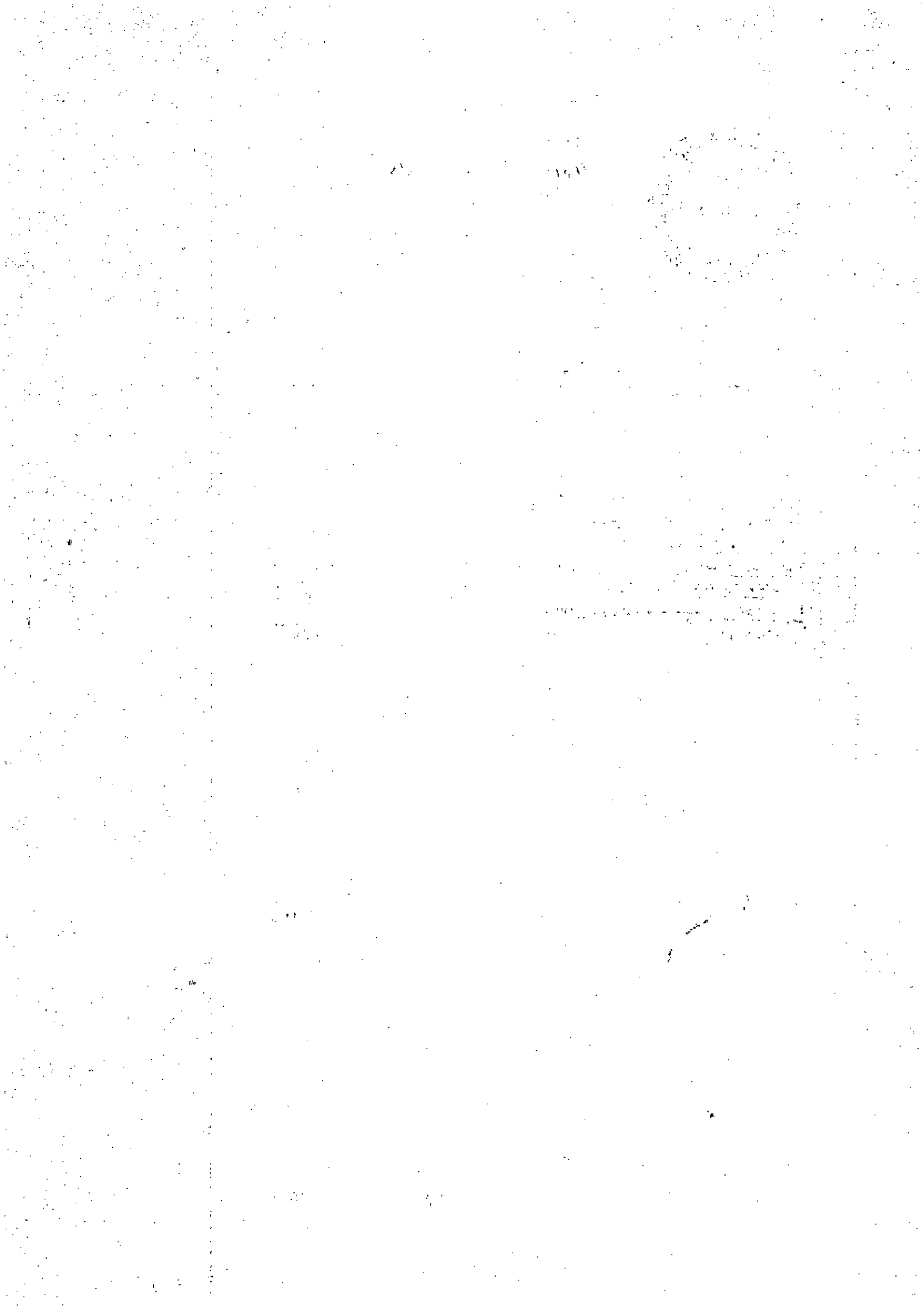




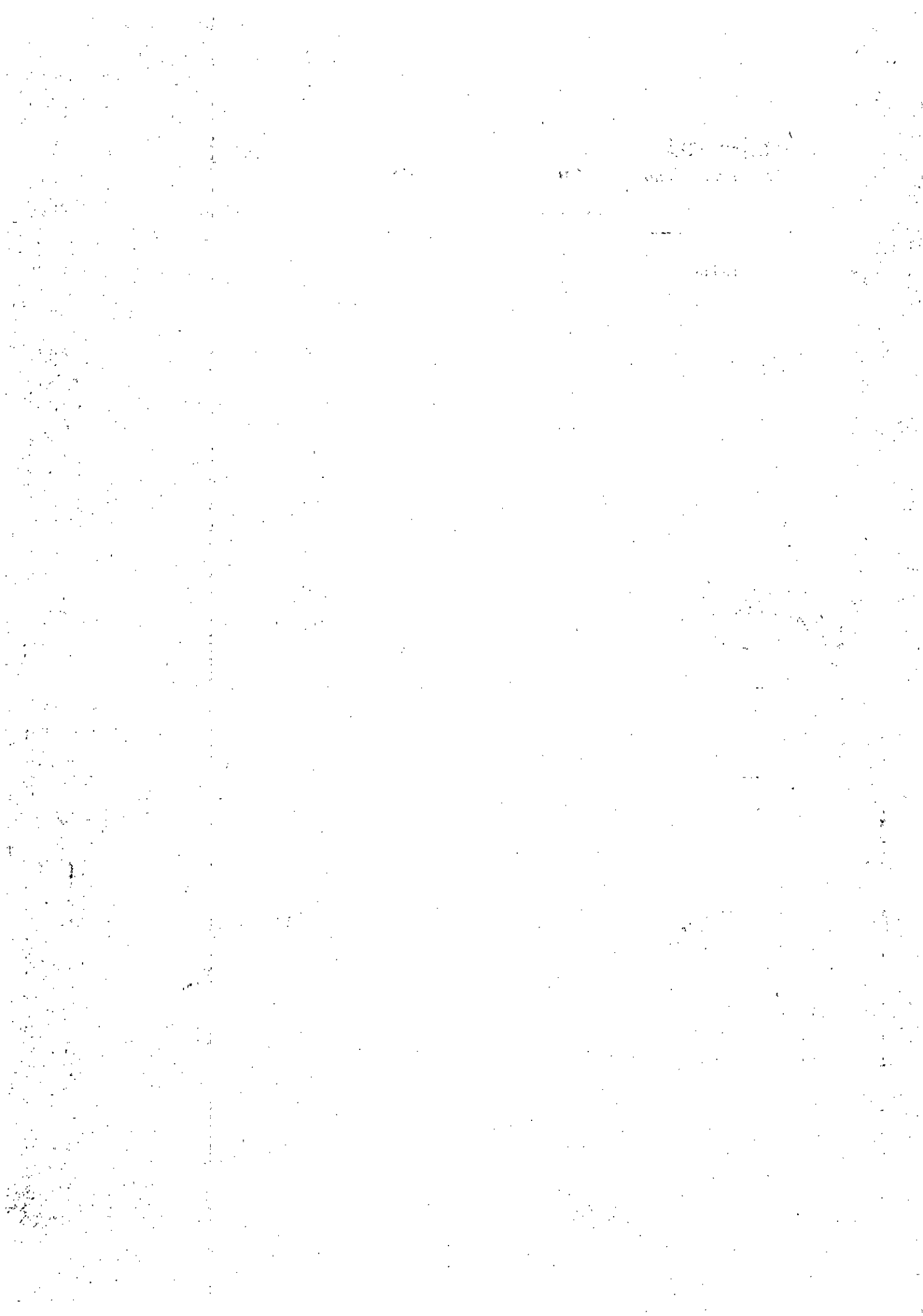
DANH GIẢ THỰC HIỆN THU NSNN THEO LĨNH VỰC NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số 3680/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Yên Bái)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản thu	Dự toán		Ước thực hiện năm 2020	Ước TH so dự toán	
		Trung ương giao	Tỉnh giao		Trung ương giao	Tỉnh giao
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
	A- THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.520.500	3.300.000	3.615.500	143,4%	109,6%
I	Thu cân đối	1.650.500	1.939.000	1.978.500	119,9%	102,0%
1	Thu từ doanh nghiệp trung ương	205.000	215.000	215.000	104,9%	100,0%
2	Thu từ doanh nghiệp địa phương	165.000	200.000	200.000	121,2%	100,0%
3	Thu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	70.000	80.000	80.000	114,3%	100,0%
4	Thu ngoài quốc doanh	550.000	600.000	600.000	109,1%	100,0%
5	Lệ phí trước bạ	135.000	145.000	149.800	111,0%	103,3%
6	Thuê sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000	3.000	3.000	100,0%	100,0%
7	Thuê thu nhập cá nhân	118.000	120.500	120.500	102,1%	100,0%
8	Thuê bảo vệ môi trường	155.000	160.000	160.000	103,2%	100,0%
	- Thu từ hàng hóa nhập khẩu	97.300	100.500	100.500	103,3%	100,0%
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	57.700	59.500	59.500	103,1%	100,0%
9	Thu phí, lệ phí	90.000	96.000	99.500	110,6%	103,6%
	- Phí trung ương	8.000	8.000	8.000	100,0%	100,0%
	- Phí địa phương	82.000	77.000	91.500	111,6%	118,8%
	<i>Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	<i>50.000</i>	<i>57.900</i>	<i>57.900</i>	<i>115,8%</i>	<i>100,0%</i>
10	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	20.000	150.000	175.000	875,0%	116,7%
	- Trả tiền một lần		130.000	155.000		
	- Trả tiền hàng năm	20.000	20.000	20.000		100,0%
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	70.000	85.000	85.000	121,4%	100,0%
	- Giấy phép do trung ương cấp	53.000	63.000	63.000	118,9%	100,0%
	- Giấy phép do địa phương cấp	17.000	22.000	22.000	129,4%	100,0%
12	Thu khác ngân sách (bao gồm cả thu tại xã)	69.000	84.000	90.200	130,7%	107,4%
	- Thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông	18.000	18.000	15.000	83,3%	83,3%
	- Thu phạt vi phạm hành chính do ngành thuế thực hiện	7.000	7.000	5.000		71,4%
	- Thu tại xã	3.500	3.500	3.600	102,9%	102,9%
	- Thu các khoản khác	40.500	55.500	66.600		120,0%
13	Thu cổ tức lợi nhuận	500	500	500		
II	Thu xổ số kiến thiết	25.000	26.000	27.000	108,0%	103,8%
III	Thu tiền sử dụng đất	600.000	1.050.000	1.300.000	216,7%	123,8%
	- Khối tỉnh		500.000	550.000		110,0%
	- Khối huyện		550.000	750.000		136,4%
IV	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	245.000	285.000	310.000		108,8%
	B- THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.559.061	11.288.361	14.848.962	140,6%	131,5%



Số TT	Nội dung các khoản thu	Dự toán		Ước thực hiện năm 2020	Ước TH so dự toán	
		Trung ương giao	Tỉnh giao		Trung ương giao	Tỉnh giao
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Thu NSNN trên địa bàn ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	2.108.100	2.837.400	3.132.900	148,6%	110,4%
	- Thu cân đối chi	1.483.100	1.631.400	1.650.900	111,3%	101,2%
	- Thu tiền thuê đất trả tiền một lần	0	130.000	155.000		
	- Thu tiền sử dụng đất	600.000	1.050.000	1.300.000	216,7%	123,8%
	- Thu xổ số kiến thiết	25.000	26.000	27.000	108,0%	103,8%
	- Thu phản ánh qua ngân sách					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.450.961	8.450.961	8.745.884	103,5%	103,5%
a	Thu bổ sung cân đối ngân sách	5.079.309	5.079.309	5.079.309	100,0%	100,0%
b	Thu bổ sung tiền lương cơ sở, bổ sung các chính sách, chế độ	593.948	593.948	888.871	149,7%	149,7%
c	Thu bổ sung chế độ, chính sách, nhiệm vụ	503.874	503.874	503.874	100,0%	100,0%
d	Thu bổ sung Chương trình mục tiêu	1.426.015	1.426.015	1.426.015	100,0%	100,0%
	- Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	454.805	454.805	454.805	100,0%	100,0%
	- Đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngoài nước	850.000	850.000	850.000	100,0%	100,0%
	- Vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu	121.210	121.210	121.210	100,0%	100,0%
d	Bổ sung Chương trình mục tiêu quốc gia	847.815	847.815	847.815	100,0%	100,0%
3	Thu kết dư ngân sách năm 2019			115.815		
4	Thu chuyển nguồn từ năm 2019 sang			2.854.363		



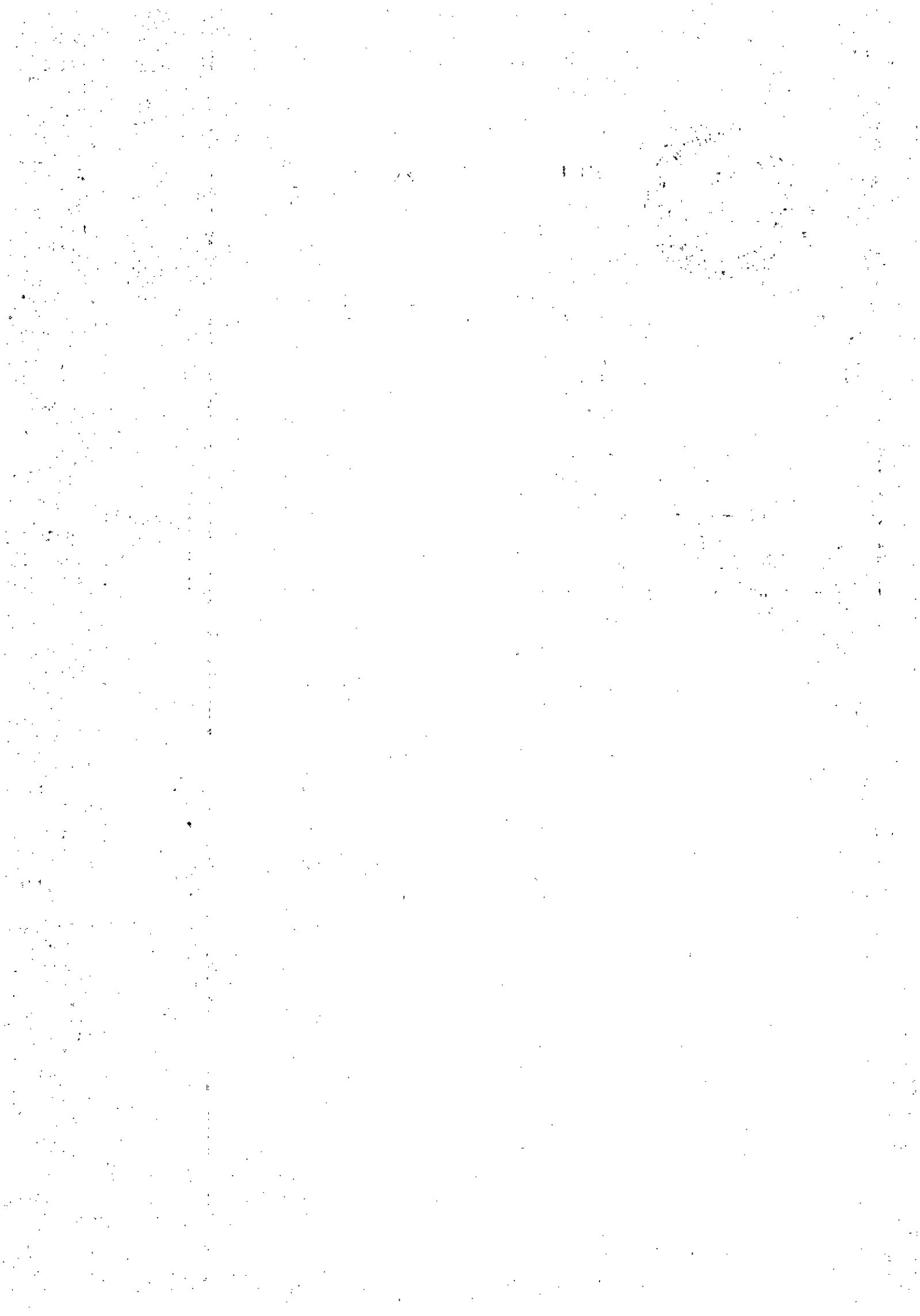


THỰC HIỆN CHI NSDP THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020

Đã in trên Báo cáo số 3681/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Yên Bái

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Dự toán		Ước thực hiện năm 2020	Ước TH so dự toán	
		Trung ương giao	Tỉnh giao		Trung ương giao	Tỉnh giao
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
	TỔNG CHI NSDP	10.644.161	11.373.461	14.934.062	140,3%	131,3%
A	CHI CÁN ĐỐI NSDP	8.370.331	9.099.631	12.660.232	151,3%	139,1%
I	Chi đầu tư phát triển	1.261.597	1.777.597	1.751.597	138,8%	98,5%
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án	1.176.497	1.553.997	1.553.997	132,1%	100,0%
	- Vốn trong nước	551.497	551.497	551.497	100,0%	100,0%
	- Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	600.000	976.500	976.500	162,8%	100,0%
	- Từ nguồn thu xổ số kiến thiết	25.000	26.000	26.000	104,0%	100,0%
2	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	85.100	85.100	85.100		
3	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê		65.000	39.000		60,0%
4	Chi cho công tác cấp giấy CNQSDĐ, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai từ 10% tiền sử dụng đất		73.500	73.500		100,0%
II	Chi thường xuyên	6.947.711	7.025.811	7.309.616	105,2%	104,0%
1	Sự nghiệp kinh tế		624.274	636.688		102,0%
	- Sự nghiệp lâm nghiệp		3.463	3.463		100,0%
	- Sự nghiệp nông nghiệp		147.264	159.678		108,4%
	- Sự nghiệp giao thông		121.707	121.707		100,0%
	- Sự nghiệp thủy lợi		62.077	62.077		100,0%
	- Sự nghiệp tài nguyên, thị chính và kinh tế khác		289.763	289.763		100,0%
2	Sự nghiệp bảo vệ môi trường		93.260	93.260		100,0%
3	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.813.250	2.813.250	2.813.250	100,0%	100,0%
	- Sự nghiệp giáo dục		2.587.820	2.587.820		100,0%
	- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề		225.430	225.430		100,0%
4	Sự nghiệp khoa học	20.799	25.799	25.799	124,0%	100,0%
5	Sự nghiệp y tế dân số và gia đình		833.314	833.314		100,0%
6	Sự nghiệp văn hoá thông tin		126.962	126.962		100,0%
	- Sự nghiệp văn hoá		95.791	95.791		100,0%
	- Sự nghiệp công nghệ thông tin		31.171	31.171		100,0%
7	Sự nghiệp thể dục thể thao		22.194	22.194		100,0%
8	Sự nghiệp phát thanh truyền hình		59.819	59.819		100,0%
9	Sự nghiệp xã hội		220.102	349.694		158,9%
10	Quản lý hành chính		1.908.115	1.951.415		102,3%
	- Quản lý nhà nước		1.485.749	1.485.749		100,0%
	- Đảng		338.801	382.101		112,8%
	- Đoàn thể		83.564	83.564		100,0%
11	Quốc phòng - An ninh		156.346	156.346		100,0%
	- Quốc phòng		98.561	98.561		100,0%
	- An ninh		57.785	57.785		100,0%
12	Chi khác ngân sách		28.245	28.245		100,0%
13	Chi thực hiện một số chính sách, nhiệm vụ		114.131	212.630		186,3%



Số TT	Nội dung các khoản chi	Dự toán		Ước thực hiện năm 2020	Ước TH so dự toán	
		Trung ương giao	Tỉnh giao		Trung ương giao	Tỉnh giao
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
III	Trả nợ lãi, phí các khoản vay	4.200	4.200	4.200		100,0%
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	1.200	100,0%	100,0%
V	Chi từ nguồn dự phòng ngân sách	155.623	155.623	155.623	100,0%	100,0%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh chính sách tiền lương từ 70% số tăng thu cân đối, phần dự toán tỉnh giao cao hơn số trung ương giao		135.200			
VI	Chi từ nguồn thu chuyên nguồn năm 2019			2.854.363		
VII	Chi từ nguồn kết dư năm 2019			115.815		
VIII	Chi chuyển nguồn sang năm 2020			467.818		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	2.273.830	2.273.830	2.273.830	100,0%	100,0%
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	847.815	847.815	847.815	100,0%	100,0%
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	564.330	564.330	564.330	100,0%	100,0%
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	283.485	283.485	283.485	100,0%	100,0%
II	Chương trình mục tiêu	1.426.015	1.426.015	1.426.015	100,0%	100,0%
1	Vốn đầu tư trong nước	454.805	454.805	454.805	100,0%	100,0%
2	Vốn đầu tư nước ngoài	850.000	850.000	850.000	100,0%	100,0%
3	Vốn sự nghiệp	121.210	121.210	121.210	100,0%	100,0%

